



HIỆN THỰC HÓA HỌC THUYẾT

CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

CỦA PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG



Nguồn: internet

TT. Thích Phước Đạt*

Vua Trần Nhân Tông được dân tộc ta tôn vinh, sử sách đánh giá là vị vua anh minh, vị anh hùng dân tộc hai lần đánh tan quân Nguyên Mông, làm sống dậy hào khí Đông - A đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc, đồng thời Ngài cũng là vị Thiền sư đặc đạo khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm. Nói như vậy, để thấy trong vai trò là người đứng đầu quốc gia, người lãnh đạo Phật giáo, vua Trần Nhân Tông đã hoàn thành sứ mệnh xây dựng quốc gia Đại Việt không chỉ độc lập tự chủ trên biên cương lãnh thổ, mà còn độc lập tự chủ trên mọi phương diện từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và kể cả tín ngưỡng tâm linh mà cả dân tộc giao phó.

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hữu tâm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Cư trần vui đạo hãy tùy duyên,
Đói cứ ăn no, mệt ngủ liền.
Báu sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm,
Vô tâm trước cảnh, hỏi gì thiền.

NHÀ VUA - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG VỚI HỌC THUYẾT CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

Thực tế, đất nước ta không lớn so với các cường quốc trên thế giới. Song, trong suốt hành trình lịch sử của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay, chưa có một lần nào nhân dân ta chịu khuất phục, đầu hàng với bất kỳ kẻ thù nào đến gây hấn hay cố tình xâm lược nước ta. Dân tộc ta bao giờ cũng bất khuất, vẫn thể hiện bản lĩnh tự chủ của một dân tộc Việt hào hùng, không ngừng nỗ lực thăng tiến vươn lên là một sự thật hiển nhiên. Chính tư tưởng yêu nước, tính tự cường dân tộc, niềm tự tin vào chính mình và tự hào về dân tộc mình, tự thân biến thành cốt tủy và máu thịt của chính mình để nhân dân ta từ trên chí dưới đoàn kết nhau, thương yêu nhau như người trong một nhà không có một sức mạnh nào lay chuyển.

Niềm tự tin của vua Trần Nhân Tông và của các Phật tử đời Trần lên tới mức, tự nhận thấy mình là Phật, chứ Phật không phải ở đâu xa, do đó phải sống và hành động như Phật không khác. Mỗi người là mỗi vị Phật, đồng nghĩa mỗi người lãnh đạo, mỗi người dân trong một nước, tất cả con dân Việt đều có niềm tin như vậy và hành động như vậy, khiến đất nước sẽ hóa thành cõi Phật ngay giữa đời, chứ không trông chờ một cõi Phật ở nơi xa xôi phương Tây Cực lạc.



Điện thờ Phật hoàng Trần Nhân Tông
Nguồn: phatgiaio.ogr.vn

Chính đây hai cội nguồn này đã tạo nên nguồn sức mạnh nội tại của dân tộc Đại Việt, cái gọi là hào khí Đông - A thời Trần. Mà một trong những nhân vật biểu tượng khởi xướng tinh thần yêu nước nồng nàn, nối kết thực thi giáo lý Thiền môn, để hướng tâm chúng sinh thành tâm Phật, không ai khác hơn phải kể đến nhà vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông với Học thuyết *Cư trần lạc đạo*. Có thể nói kể từ khi học thuyết này được thiết lập, vận hành và thể nhập vào đời sống thực tiễn, nó đã trở thành một chủ trương, đường lối, và mục tiêu tối hậu xuyên suốt cả thời đại Lý - Trần mà ngày nay âm

hưởng của nó vẫn còn in dấu ấn lớn trong tâm khảm của mọi người dân Việt như để tiếp sức, tiếp tục cuộc hành trình xây dựng đất nước Việt Nam sánh vai các cường quốc năm châu trong thời đại hội nhập toàn cầu.

CƠ SỞ LÝ LUẬN HÌNH THÀNH HỌC THUYẾT CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

Trần Nhân Tông được sinh ra và kế vị trong bối cảnh nhân dân ta vừa hoàn thành công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất do vua Trần Thái Tông, vị vua đầu tiên khai sáng ra triều nhà Trần, cũng là người đặt nền tảng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời. Trong một bối cảnh như vậy, Trần Nhân Tông đã tiếp thu những tinh hoa tư tưởng từ một nền Phật giáo chức năng để chuyển sang nền Phật giáo thế sự, đáp ứng các nhu cầu lịch sử đặt ra mà các vua tiền hiền trước đó là Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông đã nỗ lực thực thi.

Nếu trước đây, Trần Thái Tông đã chọn kinh *Kim Cương* và *Kim Cương tam muội* rồi chú giải để làm cơ sở lý luận *biện tâm*, thực thi đời sống hướng nội trước một bối cảnh lịch sử cả dân tộc ra sức chấn hưng đất nước thì đến Trần Nhân Tông chủ trương bổ sung thêm một số quan điểm được đúc kết từ các bản kinh Đại thừa *Lãng*



Nguồn: ntdvn.com

Nghiêm, Bát Nhã, Hoa Nghiêm làm cơ sở lý luận tiền đề hình thành học thuyết *Cư trần lạc đạo* phục vụ cho đường lối hoạt động Thiền phái Trúc Lâm, góp phần bảo vệ quyền độc lập tự chủ quốc gia và trên hết là xây dựng phát triển đất nước phồn vinh. Trong đó nội dung kinh *Hoa Nghiêm* được Trần Nhân Tông được xem như là hạt nhân làm nên học thuyết *Cư trần lạc đạo*.

Dưới tác động của tư tưởng kinh *Hoa Nghiêm*, học thuyết *Cư trần lạc đạo* trở thành hệ thống lý luận phổ quát cho những người lãnh đạo quốc gia Đại Việt, từ đó về sau, với tầm nhìn về dân tộc, đất nước, về xã hội cũng như con người suốt chiều dài lịch sử trong mối tương quan tương duyên với đất nước, cùng thời đang hiện hữu. Cũng chính từ cơ sở lý luận học thuyết này mà con người có thể lý giải và giải quyết tất cả các phạm trù đối kháng mâu thuẫn trong tư tưởng nhân loại có - không, thị - phi, lớn - nhỏ, sống - chết, tồn tại - phát triển, đối thoại - đối đầu. Trên hết, khi học thuyết *Cư trần*

lạc đạo này được vận hành và thể nhập vào đời sống thực tiễn thì càng làm sáng tỏ trong nhận thức người dân Việt Nam, tạo thành một lối sống mới trong đời sống sinh hoạt thường nhật.

Trong lịch sử dân tộc, chưa có triều đại nào hùng mạnh lại thân dân, gần dân và lo cho dân như triều đại nhà Trần, nhất là dưới triều đại vua Trần Nhân Tông trị vì. Cội rễ của thành tựu này, nó kết tinh truyền thống *yêu nước chính là yêu đạo* và ngược lại *yêu đạo là yêu nước* được lý giải qua sự vận hành học thuyết *Cư trần lạc đạo* vào đời sống thực tiễn. mà Trần Nhân Tông trong vai trò lãnh đạo tối cao của Quốc gia, đồng thời cũng là giáo chủ khai sáng ra dòng thiền Trúc Lâm, mang bản sắc Việt như là một thực thể duy nhất.

Vua Trần Nhân Tông có viết *Cư trần lạc đạo phú*, *Đắc thủ lâm tuyên thành đạo ca* và nhiều tác phẩm khác, trong đó giá trị lý luận *Cư trần lạc đạo* đã trở thành hệ tư tưởng chính cho Thiền phái

hoạt động trong một bối cảnh lịch sử nước ta luôn phải đối diện với các cuộc chiến tranh vệ quốc. Bài kệ kết thúc bài phú *Cư trần lạc đạo* thu tóm toàn bộ hệ thống tư tưởng của Trần Nhân Tông:

*“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền”*.

*(Cư trần vui đạo hãy tùy duyên,
Đối cảnh ăn no, ngủ yên.
Bảo sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm,
Vô tâm trước cảnh, hỏi gì thiền)*¹.

Có thể xem bài kệ này là tôn chỉ, mục đích tối thượng của thiền phái Trúc Lâm, cũng là Phật giáo Đại Việt. Về phương diện đạo pháp là xây dựng đời sống Phật quốc trên đất nước Đại Việt theo mô hình Đất vua - chùa làng - Phong cảnh Bụt. Về phương diện dân tộc, đất nước xây dựng quốc gia Đại Việt hùng cường, từ đây trở về sau là độc lập, tự chủ trên mọi phương diện từ kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng mà ngày nay diễn đạt là độc lập, tự do, hạnh phúc.

Với tầm nhìn của Trần Nhân Tông đã mở ra cho lịch sử Phật giáo Việt Nam hôm nay có một tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam duy nhất đồng hành cùng với dân tộc trong sự nghiệp dựng giữ nước và mở nước, hội nhập toàn cầu.



Nguồn: thuvienhoasen.org

HIỆN THỰC HÓA HỌC THUYẾT CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

Đây là mục đích tối thượng đem đạo vào đời thiết thực nhất trong bối cảnh như lịch sử hào hùng của thời đại Đông-A nhà Trần.

Đối với đạo pháp, Thiền phái Trúc Lâm ra đời trên cơ sở sáp nhập ba dòng thiền đang sinh hoạt hiện hữu Tỳ ni đa lưu chi, Vô Ngôn Thông, và Thảo Đường là hệ quả tất yếu của Học thuyết *Cư trần lạc đạo*. Phải nói rằng Trần Nhân Tông là người thấm nhuần tư tưởng Phật giáo và có tầm nhìn cao rộng khi tự thân mình trải nghiệm hành trì đạo lý thiền, để rồi chứng ngộ đạo thiền trong cuộc sống trần tục này. Mà trước đó, ngay từ thời Phật giáo mới du nhập, dân tộc ta đã xác định về con đường và nhiệm vụ Phật giáo: “Ở trong nhà thì hiếu thảo mẹ cha, ra ngoài xã hội thì giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình thì phải biết tu thân”². Đến thời Trần, Trần Nhân Tông xác định Phật giáo là cuộc sống, ngoài cuộc sống thì không có Phật giáo. Cũng thể chân lý cũng không nằm Phật giáo mà được minh chứng từ

trong thực tiễn đời sống trần tục này như Trần Nhân Tông tuyên bố: “*Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tác; Sơn lâm cùng cốc, họa kia cả đồ công*”³.

Chính học thuyết tư tưởng *Cư trần lạc đạo* này làm cho lịch sử truyền thừa thiền phái Trúc Lâm có những đại biểu kế thừa sau này. Bản thân Trần Nhân Tông sau khi xuất gia và hóa đạo mà vẫn lo việc nước việc dân bằng sự kiện gả công chúa Huyền Trân và sáp nhập hai châu Ô mã và Việt lý vào cương thổ Đại Việt. Chính sự khai sáng ra dòng thiền Trúc Lâm và đi vào hoạt động, thiền phái đã đáp ứng nhu cầu lịch sử của chính quyền Đại Việt là mở mang bờ cõi ở phương Nam, giải quyết về vấn an ninh quốc phòng mà phong kiến phương Bắc thường gây hấn, đồng thời giải quyết vấn đề kinh tế, gia tăng dân số ngày càng mạnh mẽ của quân dân Đại Việt. Chính tư tưởng *Cư trần lạc đạo* này làm cho mọi thành phần trong xã hội, các cộng đồng dân tộc khác nhau cùng chung sống trong lý tưởng mỗi người là một vị Phật khi tự

hoàn thiện bản thân và tích cực đóng góp cho xã hội khi điều kiện thành Phật ở đây là “*Lòng lạnh mà biết, đó là Phật thật*” (lòng dân không còn tham đắm các dục, trí tuệ khai mở thì thành Phật ngay cõi đời này) được Trần Nhân Tông phổ cập trong dân chúng.

Trần Nhân Tông trở thành vị Phật Đại Việt, Sơ Tổ thiền phái Trúc Lâm, minh chứng cho sự độc lập tự chủ trên phương diện tín ngưỡng tâm linh của dân tộc Việt Nam. Có thể nói, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam chúng ta có một đạo Phật Việt Nam mang đặc trưng riêng biệt, gọi là Phật giáo Nhất tông có sự thống nhất về mặt tổ chức hành chính, về tôn chỉ, đường lối, phương pháp tu hành từ trung ương cho đến địa phương với tên gọi Giáo hội Nhất tông. Với tầm nhìn của Trần Nhân Tông như vậy đã mở ra cho lịch sử Phật giáo Việt Nam hôm nay, có một tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam duy nhất đồng hành cùng với dân tộc trong sự nghiệp dựng giữ nước và mở nước, hội nhập toàn cầu.

Tháp Huệ Quang,
nơi đặt xá lý của Phật
hoàng Trần Nhân Tông
trên núi Yên Tử



Điểm đáng nói là với sự hình thành nền Phật giáo Nhất tông, trong cương vị đứng đầu Giáo hội, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã chủ trương thành lập Đại tạng kinh Việt Nam, làm nền tảng cho GHPGVN hôm nay thành Đại tạng kinh Việt Nam do cố HT. Thích Minh Châu làm chủ tịch đầu tiên phiên dịch hệ thống kinh điển ra Việt ngữ. Chính vua Trần Nhân Tông cũng góp phần chủ trương Việt hóa kinh điển ngay từ thời Trần bằng cách sáng tác kinh điển bằng chữ Nôm như: *Cư trần lạc đạo phú*, *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, mở đầu cho nền văn học chữ Quốc âm Việt Nam, và Phật giáo Việt Nam.

Nhìn chung, Phật giáo Đại Việt đã giải quyết nhiều vấn đề lý luận cho một giai đoạn mới, thời kỳ mới của một Phật giáo thế sự, hướng tâm xây dựng Phật quốc ở đời. Dưới tác động của Học thuyết *Cư trần lạc đạo* mỗi người dân là mỗi Phật tử tự hoàn thiện bản thân, đóng góp cho gia đình và xã hội, trên hết tùy theo năng lực, tùy duyên tùy thời mà thực thi nhiệm vụ công dân mà dân tộc, đất nước giao phó.

Đối với quốc gia dân tộc, học thuyết *Cư trần lạc đạo* không chỉ

tạo ra bản sắc Phật giáo Đại Việt mà còn tác động mạnh mẽ vào đời sống chính trị văn hóa xã hội nước nhà. Việc định hướng bảo vệ chủ quyền dân tộc, mở rộng biên cương, chấn hưng văn hóa Đại Việt đều mang dấu ấn quan điểm Phật giáo. Sự thành công của nhà Trần là có các vị vua lãnh đạo đất nước biết vận dụng tư tưởng *Cư trần lạc đạo* để huy động sức mạnh đoàn kết toàn dân. Tiềm lực dân tộc trước hết nằm ở lòng yêu nước của toàn dân để xây dựng Đại Việt thành một quốc gia hùng cường mà không có một thế lực nào ngăn cản được.

Xuất phát từ khởi điểm mỗi người đều có Phật tại tâm, bình đẳng giải thoát, có khả năng đóng góp để bảo vệ sự tồn vong của đất nước cũng là bảo vệ đạo pháp trường tồn. Nhờ vậy hội nghị Bình than và Diên Hồng dẫn đến bảo vệ thành công quyền độc lập, tự chủ của đất nước qua hai cuộc kháng vệ quốc chống Nguyên Mông thắng lợi, đúng như tinh thần: “*Xã tắc đôi phen chồn ngựa đá, Non sông nghìn thuở âu vàng*”.

Quan điểm đoàn kết nhân tâm chỉ thực hiện được khi mọi người dân cùng chung một quyền lợi và nghĩa

vụ với người lãnh đạo đất nước. Và Trần Hưng Đạo viết *Hịch tướng sĩ* để cụ thể hóa vấn đề đó với toàn bộ tướng sĩ dưới trướng của mình. Còn Trần Nhân Tông thì với học thuyết *Cư trần lạc đạo*, hướng đến việc xây dựng mẫu người Phật tử nhằm bảo vệ độc lập và chấn hưng đất nước. Mỗi khi sự tồn tại quyền lợi của người này là điều kiện nhân tố cho quyền lợi người khác thì tất cả đồng phát triển. Mọi người dân hiểu yêu nước là yêu đạo, yêu gia đình là yêu cha mẹ - vợ chồng - con cái, yêu mộ phần tổ tiên - ông bà, yêu hồn thiêng sông nước nuôi dưỡng con người.

Hơn nữa, chính sách khoan dung, nhân thứ với những người làm phản, thậm chí tha thứ cho những người lạc lối, gây tội ác sau chiến tranh mà Trần Nhân Tông đã xử lý cũng đủ nói lên tầm nhìn của vua Trần Nhân Tông đối với việc quản dân, an dân và vì dân trong khái niệm tất cả là con dân Việt, cùng chung ý niệm đồng bào, đồng chí.

Trong vai trò là người lãnh đạo quốc gia, cũng là người đứng đầu tổ chức Phật giáo, Trần Nhân Tông đã chủ trương phục hưng nền văn hóa Đại Việt và hướng

đến xây dựng và đào tạo mẫu người Đại Việt để phục vụ công cuộc tái thiết đất nước. Dưới tác động của học thuyết *Cư trần lạc đạo*, chính tư tưởng tu hành và giác ngộ ngay giữa trần tục đã hình thành nên mẫu người Phật tử biết đem đạo ứng dụng vào đời thật hữu ích. Không chỉ một loạt Thiền sư xuất gia, mà cả tại gia của giai đoạn này đều tích cực tham gia vào đời sống kinh tế, chính trị của đất nước. Họ có thể là những nhà tư tưởng, tướng cầm quân, những nhà trí thức lớn, thầy thuốc tùy theo sự phân công và khả năng của mình mà sẵn lòng cống hiến, tham gia không có một yêu cầu đòi hỏi nào cả, sống đúng đạo lý như Trần Nhân Tông nói trong *Cư trần lạc đạo*: “Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm, *Ngày thờ chúa, thảo thờ cha, đi đố mới trượng phu trung hiếu, Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân, Học đạo thờ thầy, dọt xương óc chưa thông của báo*”⁴.

Chủ trương lớn thứ hai của Trần Nhân Tông về văn hóa giáo dục là sử dụng chữ Nôm trong hành chánh và trong văn học, kể cả trong truyền bá đạo Phật. Điều đặc sắc, là vua đã để lại nhiều tác phẩm, trong đó có bài phú *Cư trần lạc đạo*, một bài phú Nôm nói về giáo lý đạo Phật. Trong bài, đơn cử có những câu rất Việt như: “*Bụt ở trong nhà, Chẳng phải tìm xa, Nhân khuấy bốn, nên ta tìm Bụt, Đến biết hay chín Bụt là ta*”. Các câu: “*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi tới Tây phương. Di Đà là tính lặng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc*”. Điều đáng nói, là hai từ rất Việt là *lặng soi*, trong khi các bản Việt dịch hiện nay lại thích dùng hai chữ rất Hán

là *tịch chiếu*. Hay là những từ *Cầm giới hạnh*. Nếu hiện nay, ta dùng là chữ *giữ giới* hay *trì giới*, còn Trần Nhân Tông đã dùng từ rất Việt là *cầm giới hạnh*. Trần Nhân Tông dùng từ *nghiệp miêng* cũng rất Việt, thay vì hiện nay chúng ta ưa dùng từ *khẩu nghiệp*.

Xem ra, khi sáng tác bài phú *Cư trần lạc đạo*, hay Đặc thủ lâm tuyên thành đạo ca, phải chăng Trần Nhân Tông muốn chứng tỏ rằng: chữ Nôm của chúng ta dù trong hoàn cảnh, môi trường sống nào, không chỉ có giá trị giao tiếp, chuyên chở đạo lý, mà còn dùng để diễn đạt những chân lý triết học cao siêu nhà Phật.

Sau Trần Nhân Tông, Huyền Quang, trong vai trò Tam Tổ Trúc Lâm cũng sáng tác bài *Vịnh Vân Yên tự phú* ca ngợi cõi Phật là cõi vô tâm, Mạc Đĩnh Chi sáng tác bài phú *Giáo tử phú* dạy con niệm Phật và về sau Thiền sư Việt Nam đã theo gương Phật Hoàng mà sáng tác hàng loạt tác phẩm Phật giáo bằng Quốc âm. Thiết nghĩ, vua Trần Nhân Tông mong muốn trong tương lai phổ biến đạo lý Phật không phải bằng chữ Hán mà bằng chữ Việt (Nôm), theo đúng lời xưa kia của Phật Thích Ca là mỗi dân tộc phải truyền bá Phật giáo bằng ngôn ngữ của dân tộc mình. Trong ý nghĩa đó, tinh thần Việt hóa Kinh Phật mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ trương từ lâu, sẽ tác động mạnh vào sự nghiệp truyền bá đạo Phật ở Việt Nam, thời hội nhập với bản sắc thuần Việt.

Hơn nữa, công cuộc chấn hưng đất nước đòi hỏi việc tái thiết các công trình văn hóa do kẻ thù tàn phá. Dưới tác động xây dựng mẫu người Phật tử lý tưởng của

Thiền phái, mọi người dân đã tích cực tái thiết: “*Dựng cầu dò, giới chiến tháp, ngoại trang nghiêm sự tướng hỷ tu*”⁵. Việc Trần Nhân Tông đem mười điều thiện dạy khắp đã phản ánh chính sách dùng Chánh pháp để an dân mà trước đó hơn một nghìn năm đã được ghi vào kinh *Lục độ tập*. Một bản kinh được Phật giáo nước ta vận dụng nhuần nhuyễn phù hợp với đạo lý truyền thống. Nó được các nhà lãnh đạo quốc gia dùng làm “*pháp luật quốc gia*” nhằm đem lại sự bình an cho xã hội. Kết quả, Tổ quốc Đại Việt sau bao năm nỗ lực kiến thiết quốc gia là kiến lập cõi Phật ngay giữa cõi đời, được mô tả qua bài *Vịnh Vân Yên tự phú* của Huyền Quang Tam Tổ: “*Vào chung cõi Thánh thanh thanh, Thoát rề lòng phàm phây phẩy, Bao nhiêu phong nguyệt, thể thốt chẳng cùng, Hể cảnh giang sơn, ai nhìn thấy đấy*”⁶.

Tóm lại, Học thuyết *Cư trần lạc đạo* đã góp phần giải quyết một loạt vấn đề đặt ra cho Phật giáo Đại Việt, tất nhiên cũng đáp ứng các nhu cầu đòi hỏi của lịch sử dân tộc. Sau thời Trần Nhân Tông, Phật giáo còn đóng góp cho quốc gia dân tộc với những nhiệm vụ mới mà lịch sử giao phó.

Chú thích:

* TT.TS Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.

1. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. KHXH, HN, tr.510.
2. Lê Mạnh thát, *Nghiên cứu về Mậu Từ*, tập 2, Tu thư Vạn Hạnh, Sài gòn, tr.511.
3. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. KHXH, HN, tr.506.
4. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.507.
5. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998, tr.508.
6. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998, tr.712.